

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:19/2019/HNGĐ-ST

Ngày:18/4/2019

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Huê – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 947/2018/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2019/QĐTD ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Ánh T, sinh năm 1987 (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quý L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng HKTT và địa chỉ hiện nay: 17/5/2A3 Đường M, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Ánh T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quý L sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 24/10/2007. Hôn nhân của bà T và ông L hạnh phúc được thời gian ngắn và đến cuối năm 2016 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do vợ chồng sống không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng bà thường xuyên cãi vã nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tại Tòa, một lần nữa bà T xác định bà không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quý L.

Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngô Quốc A, sinh ngày 29/10/2007 và cháu Nguyễn Ngô Quốc B, sinh ngày 09/02/2017. Bà

T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu B.

Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2018, bà T có yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000đồng /tháng/2 con chung tuy nhiên quá trình tố tụng tại Tòa án, ngày 25 tháng 01 năm 2019, bà T có Đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện, cụ thể: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/10/2018, bị đơn ông Nguyễn Quý L trình bày: Ông L xác nhận quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn như bà T trình bày. Ông không đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án tiếp tục hòa giải đoàn tụ gia đình.

Tuy nhiên, sau đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông L nhưng ông L không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư kí, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của bà T, ông L, kết quả xác minh tại địa phương thì thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật, nguyên nhân là do ông L thường xuyên vắng nhà, không chăm sóc vợ con, hiện ông bà đã không sống cùng nhau một thời gian. Ông L không đồng ý ly hôn nhưng không đến làm việc, hòa giải theo triệu tập của Tòa, không tham gia các phiên tòa, thể hiện sự bỏ mặc hạnh phúc gia đình. Tình trạng mâu thuẫn giữa bà T, ông L là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngô Quốc A, sinh ngày 29/10/2007 và cháu Nguyễn Ngô Quốc B, sinh ngày 09/02/2017. Do ông L thường xuyên vắng nhà, 02 con do bà T nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường, học hành đầy đủ. Ông L không có ý kiến gì về việc nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu B; Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Ngô Thị Ánh T có đơn khởi kiện về “Ly hôn” với ông Nguyễn Quý L, có nơi cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông L. Tại phiên tòa hôm nay, ông L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của ông L không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ quy định pháp luật Tòa tiến hành giải quyết vắng mặt ông L.

[2]. Về hôn nhân: Xét bà Ngô Thị Ánh T và ông Nguyễn Quý L chung sống và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 24/10/2007, như vậy hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp.

Trong thời gian ông L và bà T chung sống với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T là do vợ chồng sống không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng bà thường xuyên cãi vã nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Ông L chỉ có bản tự khai ngày 12 tháng 10 năm 2018 ngoài ra ông L vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa nên chưa thể hiện thiện chí, không tranh thủ sự tác động, động viên, hòa giải của pháp luật để hàn gắn hôn nhân giữa ông và bà T. Ông L không tham gia tố tụng tại Tòa nên chưa thể hiện được nguyện vọng thiết tha muốn đoàn tụ của ông.

Cũng do ông L vắng mặt, để xem xét yêu cầu của bà T, Tòa đã tiến hành xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Kết quả biên bản xác minh tại địa phương cho thấy bà T và ông L trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, ông L thường xuyên vắng nhà, không chăm sóc vợ con, hiện không sống chung với nhau nữa.

Nay bà T cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với ông L nên khả năng đoàn tụ là rất khó khăn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở để xem xét nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngô Quốc A, sinh ngày 29/10/2007 và cháu Nguyễn Ngô Quốc B, sinh ngày 09/02/2017. Do hiện nay, ông L đã không còn ở địa phương, đi đâu không rõ, cháu A và cháu B đang sinh sống cùng bà T, các cháu phát triển bình thường, học hành đầy đủ và thống nhất với nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử giải quyết cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ánh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Ánh T và ông Nguyễn Quý L ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngô Quốc A, sinh ngày 29/10/2007 và cháu Nguyễn Ngô Quốc B, sinh ngày 09/02/2017. Cháu A và cháu B sẽ do bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005168 ngày 20/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V. Bà T đã nộp xong án phí

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố V;
- Chi cục thi hành án dân sự Thành phố V;
- UBND xã G, huyện H, tỉnh Khánh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Nguyễn Thị Thanh Huyền